

Bản án số: **09/2022/HS-ST**  
Ngày 12 -7 - 2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đức Quỳnh;

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Châu Xuân Trường;

- Bà Nguyễn Kim Thoa;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Ma Ngọc Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang:** Ông Nguyễn Việt Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2022/TLST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

**TRIỆU THỊ M**, sinh ngày 26/02/1989, tại xã C, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Tổ dân phố P, thị trấn Ln, huyện L, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 22-QĐ/UBKTHU, ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Huyện Ủy L).

Con ông Triệu Thanh Huyền và bà Hoàng Thị Lậm; có chồng là Nguyễn Thế H và có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012; anh chị em ruột: Có ba người, bị cáo là thứ hai;

Tiền sự, tiền án: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt);

**Người bào chữa cho bị cáo:**

Bà Lại Khoa Lâm - Trợ giúp viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang (có mặt);

**Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Tuyên

Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T, chức vụ Chủ tịch ủy ban nhân dân thị trấn Ln;

Người đại diện theo quyền: Ông Lý Văn L, chức vụ Phó chủ tịch UBND thị trấn Ln (có mặt).

***Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Nguyễn Thị L, sinh năm 1978 (vắng mặt nhưng có đơn xin xử vắng mặt);
- Nguyễn Thị T, sinh năm 1978 (có mặt);
- Nguyễn Thị K, sinh năm 1979 (vắng mặt nhưng có đơn xin xử vắng mặt);
- Châu Thị L, sinh năm 1976 (có mặt);
- Nguyễn Văn T, sinh năm 1969 (có mặt);
- Nguyễn Thế H, sinh năm 1985 (có mặt);
- Nguyễn Thị M, sinh năm 1953 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2007 vợ chồng ông Nguyễn Thế T, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị My, sinh năm 1953, cùng trú tại thôn P, xã L, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Tuyên Quang) được UBND huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG054430 ngày 06/3/2007 với diện tích là 13.000m<sup>2</sup> đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên tại khu vực Khuổi Vát thuộc lô 38, 48, khoảnh 386a, (theo bản đồ phân ba loại rừng 1859) (thuộc tổ dân phố P, thị trấn Ln, huyện L), hiện trạng rừng tự nhiên gồm có các cây vầu và gỗ tự nhiên từ nhóm V đến nhóm VIII, năm 2018 do tuổi cao sức yếu ông Tuyến và bà My để lại diện tích rừng trên cho con trai là anh Nguyễn Thế H, sinh năm 1985 và Triệu Thị M, sinh năm 1989 (vợ anh H) quản lý.

Đầu tháng 3/2022, M nảy sinh ý định phát toàn bộ diện tích rừng trên để trồng cây Mỡ nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế gia đình. Từ ngày 02/3/2022 đến ngày 09/3/2022, M thuê Nguyễn Thị T, sinh năm 1978, Nguyễn Thị L, sinh năm 1978 Châu Thị Lòi, sinh năm 1976, Nguyễn Thị K, sinh năm 1979 đều trú cùng tổ dân phố với M phát toàn bộ thực bì, các cây thân gỗ nhỏ dưới 10-15cm. Sáng ngày 10/3/2022 M thuê Nguyễn Văn T sinh năm 1969, trú cùng tổ dân phố, dùng máy cưa xăng để cắt đổ cây thân gỗ có đường kính từ 20-50cm.

Kết quả khám nghiệm hiện trường: Diện tích rừng mà Triệu Thị M chặt phá là 6.499m<sup>2</sup> (*Sáu nghìn bốn trăm chín mươi chín mét vuông*), thuộc lô 38, 48 khoảnh 386a, chức năng rừng sản xuất là rừng tự nhiên (theo bản đồ 1859). Thiệt hại về lâm sản gồm 124 cây thân tre (cây vầu) và gỗ bị chặt hạ từ nhóm V đến nhóm VIII, có khối lượng là 33,551m<sup>3</sup>.

Quá trình điều tra xác định toàn bộ diện tích rừng bị hủy hoại trên, gia đình Triệu Thị M chỉ được giao quản lý và nhận tiền giao khoán quản lý bảo vệ hằng năm mỗi héc ta (ha) là 400.000 đồng. Triệu Thị M tự ý chặt, phát và thuê người dùng cưa máy cắt hạ cây rừng khi chưa được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 04/KL-HĐĐGTS ngày 28/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L, kết luận: Tổng trị giá tài sản trong vụ án Hủy hoại rừng xảy ra từ ngày 02/3/2022 đến ngày 10/3/2022 tại khu vực Khuổi Vát thuộc tổ dân phố P, thị trấn Ln, huyện L là 54.536.000 đồng.

Tại khoản 1, khoản 2 và điểm a khoản 3, Điều 4, Mục I, Chương II Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Lâm nghiệp thì tại lô 38 và 48, khoảnh 386a (theo bản đồ điều chỉnh quy hoạch phân ba loại rừng được phê duyệt tại Quyết định số 1859 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang) là rừng tự nhiên.

Triệu Thị M đã có hành vi chặt phá rừng sản xuất là rừng tự nhiên có diện tích là 6.499m<sup>2</sup> là vi phạm quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự (điểm b, khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự quy định diện tích bị hủy hoại là rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 m<sup>2</sup> đến dưới 10.000m<sup>2</sup>).

Tại Cơ quan điều tra, Triệu Thị M đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng Biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vật chứng đã thu giữ, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ nội dung trên, Cáo trạng số 07/CT-VKSLB ngày 13/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố Triệu Thị M về tội “hủy hoại rừng” theo điểm b, khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự. Tại phần luận tội Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Triệu Thị M theo tội danh đã nêu trong cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 243; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt Triệu Thị M từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định.

Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra Nguyên đơn dân sự Ủy ban nhân dân thị trấn Ln yêu cầu bị cáo Triệu Thị M bồi thường số tiền bị thiệt hại là 54.536.000đ, bị cáo đã trồng lại toàn bộ diện tích rừng đã bị hủy hoại với tổng số tiền là 50.800.000đ (trong đó lần 1 là 28.450.000đ, lần 2 là 22.350.000đ). Còn phải bồi thường tiếp số tiền là 3.736.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án: Đề nghị Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự tịch thu tiêu hủy 05 dao găm có tổng chiều dài của các con dao từ 43cm đến 54cm . Trả lại cho ông Nguyễn Văn T 01 máy cưa xăng, màu cam vỏ có chữ *Husqvarna*, lam dài 60cm. (*Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận ngày 15/6/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L và Chi cục Thi hành án dân sự huyện L*).

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Đại diện UBND thị trấn Ln, huyện L xác định: Nhất trí theo quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L và của người bào chữa cho bị cáo. Hành vi phát rừng của bị cáo đã vi phạm pháp luật. Về hình phạt chính đề nghị Hi đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo để giáo dục cải tạo tại địa phương. Về trách nhiệm dân sự: Tổng giá trị rừng bị thiệt hại là 54.536.000đ, bị cáo đã trồng lại toàn bộ diện tích rừng đã bị hủy hoại với tổng số tiền là 50.800.000đ, bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền là 3.736.000 đồng.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo đề nghị Hi đồng xét xử áp dụng: Điểm b, khoản 1 Điều 243; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt và cho hưởng án treo. Về bồi thường thiệt hại nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L và yêu cầu của đại diện UBND thị trấn Ln.

Bị cáo Triệu Thị M nhất trí với nội dung bào chữa của người bào chữa cho bị cáo và nội dung buộc tội của đại diện Viện kiểm sát huyện L, không có ý kiến bổ sung thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hi đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L, Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp, đúng quy định.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo, nguyên đơn dân sự phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ để kết luận từ

ngày 02/3/2022 đến ngày 10/3/2022 Triệu Thị M, sinh ngày 26/02/1989 trú tại tổ dân phố P, thị trấn Ln, huyện L đã có hành vi hủy hoại rừng tại khu vực Khuổi Vát thuộc lô 38, 48, khoảnh 386a (theo bản đồ 1859) đối tượng rừng sản xuất là rừng tự nhiên, diện tích là 6.499 m<sup>2</sup> (*Sáu nghìn bốn trăm chín mươi chín mét vuông*) thiệt hại là 54.536.000đ.

Mặc dù H gia đình Triệu Thị M đã được cấp có thẩm quyền (UBND cấp huyện) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2007, mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất. Đối với rừng (tài sản, lâm sản trên đất) được giao cho H gia đình có nguồn gốc là cây rừng tự nhiên, chưa được cấp có thẩm quyền kiểm kê, xử lý giao cho H gia đình hoặc cho H gia đình thuê, vẫn thuộc quyền quản lý của Nhà nước. Nếu muốn cải tạo, khai thác tài sản, lâm sản trên diện tích đất được giao thì H gia đình phải thực hiện thủ tục xin phép trình cấp có thẩm quyền theo quy định. Theo quy định của pháp luật H gia đình bị cáo Triệu Thị M chưa phải là chủ rừng nên chưa đủ điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với tài sản, lâm sản trên diện tích đất được cấp có thẩm quyền giao cho sử dụng. Tại khoản 9, Điều 2 Luật lâm nghiệp theo quy định: Chủ rừng là tổ chức, H gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng; giao đất, cho thuê đất để trồng rừng; tự phục hồi, phát triển rừng; nhận chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế rừng theo quy định của pháp luật. Tại các điểm b, c khoản 3, Điều 102 Luật lâm nghiệp về trách nhiệm quản lý Nhà nước của UBND xã quy định: "...b, Quản lý diện tích, ranh giới khu rừng; xác nhận hồ sơ đề nghị giao rừng, thuê rừng đối với tổ chức, H gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật; c, Tổ chức quản lý, bảo vệ diện tích rừng Nhà nước chưa giao, chưa cho thuê". Diện tích rừng bị cáo M hủy hoại nêu trên thuộc đối tượng rừng hỗn giao, rừng tự nhiên, không phải rừng nghèo kiệt; nếu thuộc rừng nghèo kiệt thì giai đoạn này cấp có thẩm quyền chưa cho phép cải tạo rừng.

Bị cáo Triệu Thị M là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý, gây thiệt hại diện tích rừng vượt quá mức xử lý vi phạm hành chính, do đó việc khởi tố, truy tố, xét xử đối với bị cáo là có căn cứ. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã làm ảnh hưởng trực tiếp môi trường sinh sống của các loài động, thực vật, gây mất cân bằng tới hệ sinh thái khí quyển, kiệt quệ nguồn tài nguyên lâm sản, gây mất ổn định an ninh chính trị địa phương, vi phạm pháp luật Nhà nước. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Triệu Thị M về tội "hủy hoại rừng" theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Hi đồng xét xử thấy rằng: Bị

cáo do điều kiện kinh tế khó khăn, từ nhận thức chưa đầy đủ đã tự ý chặt phá rừng mục đích để trồng cây mới có hiệu quả kinh tế hơn, nhưng không xin phép, không báo cáo cấp có thẩm quyền dẫn đến vi phạm pháp luật.

Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục hậu quả, là người dân tộc thiểu số, sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; gia đình thuộc hộ nghèo, phạm tội một phần do nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng tại phiên tòa đại diện UBND thị trấn Ln đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Căn cứ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và đảm bảo công tác phòng ngừa tội phạm chung như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp và có căn cứ.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo chặt phá là 6.499m<sup>2</sup> (*Sáu nghìn bốn trăm chín mươi chín mét vuông*), thuộc lô 38, 48 khoảnh 386a, chức năng rừng sản xuất là rừng tự nhiên (theo bản đồ 1859). Thiệt hại về lâm sản gồm 124 cây thân tre (cây vầu) và cây thân gỗ bị chặt hạ từ nhóm V đến nhóm VIII, có khối lượng là 33,551m<sup>3</sup> có tổng giá trị là 54.536.000đ, bị cáo đã trồng lại toàn bộ diện tích rừng đã bị hủy hoại với tổng số tiền là 50.800.000đ, cần buộc bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền là 3.736.000 đồng.

[5] Đối với Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Khuya, Châu Thị Lòi, Nguyễn Văn Trường, là người được bị cáo M thuê để chặt, phát rừng nhưng cho rằng rừng đó là của gia đình bị cáo, không biết việc phát rừng là vi phạm pháp luật nên không đề cập xử lý.

Đối với Nguyễn Thế H là chồng của bị cáo và bà Nguyễn Thị My là mẹ chồng của bị cáo không biết việc bị cáo chặt và thuê người chặt phá rừng nên không xử lý.

[6] Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 máy cưa xăng màu cam, 05 dao quắm chuôi gỗ của bị cáo và những người liên quan. Xét thấy đối với 04 dao quắm của Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Khuya, Châu Thị Lòi tại đơn xin xét xử vắng mặt và tại phiên tòa xác định dao đã cũ, không còn giá trị sử dụng, không đề nghị lấy lại, nên cần tịch thu tiêu hủy; đối với 01 máy cưa xăng cần trả lại cho ông Nguyễn Văn Trường. Đối với 01 dao quắm của bị cáo M đã dùng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy gia đình bị cáo M thuộc diện cận nghèo, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập chủ yếu dựa vào sản xuất theo mùa vụ, ngoài ngôi nhà cấp 4 đang ở gia đình bị cáo không có tài sản gì có giá trị lớn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định; Bị cáo Triệu Thị M là dân tộc thiểu số, có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, gia đình thuộc H cận nghèo, cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản có giá trị, thu nhập chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp do đó miễn toàn bộ án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo.

Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Căn cứ:** Điểm b, khoản 1, Điều 243; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố: Bị cáo Triệu Thị M phạm tội hủy hoại rừng.

- Xử phạt bị cáo Triệu Thị M 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi tư) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12/7/2022).

*Giao bị cáo Triệu Thị M cho Ủy ban nhân dân Thị trấn L, huyện L, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 68, khoản 2 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

**2. Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ các điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự:

- Ghi nhận bị cáo Triệu Thị M đã tự nguyện khắc phục hậu quả (trồng 3.000 cây mỗ) tổng số tiền là 50.800.000đ.

- Buộc bị cáo Triệu Thị M bồi thường cho Nhà nước (Do Ủy ban nhân dân Thị trấn Ln, huyện L, tỉnh Tuyên Quang làm đại diện) số tiền 3.736.000 đồng (*Ba triệu, bảy trăm ba mươi sáu nghìn đồng*).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của*

*số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

**3. Về vật chứng:** Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 05 dao quắm chuôi gỗ của bị cáo M và của Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị K, Châu Thị L;

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn T 01 máy cưa xăng, màu cam vỏ có chữ *Husqvarna*, lam dài 60cm.

*(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận ngày 15/6/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L và Chi cục Thi hành án dân sự huyện L).*

**4. Về án phí:** Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hi. Miễn toàn bộ án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo Triệu Thị M. Bị cáo Triệu Thị M phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12/7/2022). Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

*Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện L;
- Công an huyện L;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh TQ;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND thị trấn Ln;
- Người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lý Đức Quỳnh**



**HI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Châu Xuân Trường    Nguyễn Kim Thoa**

**Lý Đức Quỳnh**

*Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**HI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Châu Xuân Trường    Nguyễn Kim Thoa**

**Lý Đức Quỳnh**

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Biên bản này đã được các thành phần tham gia nghe đọc, tự đọc cùng nhất trí ký tên dưới đây.

Biên bản kết thúc hồi 11 giờ 20 phút cùng ngày.

**HI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Châu Xuân Trường    Nguyễn Kim Thoa**

**Lý Đức Quỳnh**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện L;
- Công an huyện L;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh TQ;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND thị trấn Ln;
- Người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lý Đức Quỳnh**